

KẾ HOẠCH
Tiếp nhận vào làm công chức năm 2024

Thực hiện Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và trên cơ sở nhu cầu nhân sự của cơ quan, đơn vị để thực hiện nhiệm vụ. Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch tiếp nhận vào làm công chức năm 2024¹, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Bổ sung nguồn nhân lực chất lượng để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

2. Yêu cầu

- Việc tiếp nhận vào làm công chức phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế;
- Bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật;
- Tuyển chọn đúng người đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và vị trí việc làm.

II. CHỈ TIÊU, TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN TIẾP NHẬN

1. Chỉ tiêu tiếp nhận

Tổng số chỉ tiêu tiếp nhận vào làm công chức: 43, trong đó:

- Khối Sở, ngành: 22 chỉ tiêu;
- Khối Quận, huyện: 21 chỉ tiêu.

(Chi tiết theo Phụ lục I)

2. Đối tượng

a) Do quận Ninh Kiều thuộc diện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2022 - 2025; ưu tiên và khuyến khích các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận vào làm công chức đối với cán bộ, công chức các phường thuộc Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều;

b) Trường hợp không có cán bộ, công chức từ các phường thuộc quận Ninh Kiều đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn tiếp nhận vào làm công chức thì cơ quan, đơn vị, địa phương xem xét, tiếp nhận đối với các trường hợp:

- Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập;

- Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang nhân dân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu nhưng không phải là công chức;

¹ Bổ trí vào các vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ.

- Cán bộ cấp xã;
- Người đã từng là cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên sau đó được cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển giữ các vị trí công tác không phải là cán bộ, công chức tại các cơ quan, tổ chức khác;
- Công chức cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương thuộc đối tượng chuyển đổi vị trí công tác và thực hiện theo Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

3. Điều kiện, tiêu chuẩn

a) Người được đề nghị tiếp nhận vào làm công chức phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; khoản 2 Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

b) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng cụ thể đối với từng vị trí việc làm theo Phụ lục II kèm theo Kế hoạch này.

III. HÌNH THỨC, THỜI ĐIỂM TỔ CHỨC, THÀNH PHẦN HỒ SƠ

1. Hình thức

Tiếp nhận vào làm công chức (thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức và Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức).

2. Thời điểm tổ chức

Quý III năm 2024 đối với các trường hợp phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch khi tiếp nhận vào làm công chức theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức².

3. Hồ sơ

Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

- a) Tiếp nhận hồ sơ đề nghị tiếp nhận vào làm công chức của của cơ quan, đơn vị;
- b) Tham mưu thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch;
- c) Căn cứ vào yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển:
 - Xác định hình thức sát hạch;

² Đối với các trường hợp không phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, Giám đốc Sở Nội vụ quyết định tiếp nhận vào làm công chức theo thẩm quyền quy định tại Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phân cấp quản lý công chức (trên cơ sở đề nghị của cơ quan, đơn vị).

- Phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan: hướng dẫn, giới thiệu nội dung sát hạch đối với người được đề nghị tiếp nhận (nếu có);

- Kiểm tra về tiêu chuẩn, điều kiện về văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận của người được đề nghị tiếp nhận vào làm công chức theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển;

- Tổ chức sát hạch về trình độ hiểu biết chung và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người được đề nghị tiếp nhận;

- Báo cáo kết quả kiểm tra, sát hạch đến Hội đồng kiểm tra, sát hạch xem xét, quyết định.

d) Tổng hợp hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kết quả tiếp nhận vào làm công chức;

đ) Quyết định tiếp nhận vào làm công chức đối với từng trường hợp theo thẩm quyền.

2. Sở Tài chính

Thẩm định, tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí tổ chức tiếp nhận vào làm công chức từ dự toán đã được Ủy ban nhân dân thành phố giao từ đầu năm 2024 cho Sở Nội vụ.

3. Cơ quan, đơn vị có nhu cầu tiếp nhận vào làm công chức

a) Thẩm định, gửi hồ sơ đề nghị tiếp nhận vào làm công chức đối với các trường hợp đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

b) Phối hợp với Sở Nội vụ lập hồ sơ đề nghị, thực hiện các thủ tục có liên quan đến quy trình tiếp nhận vào làm công chức.

Trên đây là Kế hoạch tiếp nhận vào làm công chức năm 2024. Trong quá trình thực hiện nếu khó khăn, vướng mắc, cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo. /.

(Đính kèm: Phụ lục I Tình hình sử dụng biên chế và chỉ tiêu tiếp nhận; Phụ lục II Tiêu chuẩn theo từng vị trí việc làm)

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND TP;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Sở: Nội vụ; Tài chính; Tư pháp; Y tế; Kế hoạch và Đầu tư; Giáo dục và Đào tạo; Khoa học và Công nghệ; Công Thương; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Lao động - Thương binh và Xã hội; Xây dựng;
- Ban Dân tộc;
- UBND quận, huyện;
- VP UBND TP (2,3EC,4);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, TT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Việt Trường

**PHỤ LỤC I****TÌNH HÌNH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ VÀ CHỈ TIÊU TIẾP NHẬN***(Kèm theo Kế hoạch số 160/KH-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

STT	Đơn vị	Tình hình sử dụng biên chế		Chỉ tiêu	Ghi chú
		Được giao	Đã sử dụng		
I	Sở, ngành			22	
1	Sở Tư pháp	38	36	1	
2	Sở Y tế			3	
2.1	Khối Văn phòng	39	37	2	
2.2	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	14	12	1	
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	54	51	1	
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	63	58	3	
5	Sở Khoa học và Công nghệ			1	
5.1	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	12	11	1	
6	Sở Công Thương	50	46	2	
7	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			3	
7.1	Chi cục Thủy lợi	13	10	2	
7.2	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	13	12	1	
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	58	53	1	
9	Sở Nội vụ (Văn phòng và các phòng chuyên môn)	47	45	2	
10	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	54	51	3	
11	Sở Xây dựng			1	
11.1	Thanh tra sở	19	17	1	
12	Ban Dân tộc	16	15	1	
II	Quận, huyện			21	
1	UBND quận Ninh Kiều	106	98	6	
2	UBND quận Bình Thủy	82	74	2	
3	UBND quận Ô Môn	78	76	1	
4	UBND quận Cái Răng	82	78	1	
5	UBND quận Thốt Nốt	79	75	2	
6	UBND huyện Phong Điền	75	73	1	
7	UBND huyện Cờ Đỏ	74	71	3	
8	UBND huyện Vĩnh Thạnh	76	71	5	



PHỤ LỤC II

TIÊU CHUẨN THEO TỪNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM

(Kèm theo Kế hoạch số 160 /KH-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

STT	Đơn vị	Vị trí việc làm	Chỉ tiêu	Ngạch công chức	Trình độ đào tạo	Yêu cầu khác	Ghi chú
I	Sở, ngành		22				
1	Sở Tư pháp		1				
1.1	Văn phòng	Kế toán trưởng	1	Kế toán viên (mã số 06.031)	Đại học Kế toán		
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư		1				
2.1	Thanh tra	Chuyên viên về công tác thanh tra	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học Kinh tế		
3	Sở Y tế		3				
3.1	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Chuyên viên về thống kê	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học Kinh tế ngoại thương		
3.2	Phòng Nghiệp vụ dược	Chuyên viên về dược	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học Dược		
3.3	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Chuyên viên về tổng hợp	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học: Hành chính; Y tế công cộng; Công nghệ thực phẩm; Bác sĩ.		
4	Sở Giáo dục và Đào tạo		3				
4.1	Thanh tra	Chuyên viên về công tác thanh tra	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học: Tài chính- Kế toán; Luật		
4.2	Phòng Kế hoạch - tài chính	Kế toán viên	1	Kế toán viên (mã số 06.031)	Đại học: Tài chính- Kế toán		
4.3	Phòng Giáo dục mầm non	Chuyên viên về quản lý chương trình giáo dục (bậc học mầm non)	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học Giáo dục mầm non		

STT	Đơn vị	Vị trí việc làm	Chỉ tiêu	Ngạch công chức	Trình độ đào tạo	Yêu cầu khác	Ghi chú
5	Sở Khoa học và Công nghệ		1				
5.1	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Phụ trách kế toán	1	Kế toán viên (Mã số 06.031)	Đại học Tài chính tín dụng, Kế toán	Có chứng chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng	
6	Sở Công Thương		2				
6.1	Phòng Quản lý năng lượng	Chuyên viên về quản lý năng lượng	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học Điện khí hóa và cung cấp điện		
6.2	Thanh tra	Chuyên viên về công tác thanh tra	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học Luật		
7	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		3				
7.1	Chi cục Thủy lợi	Chuyên viên về quản lý thủy lợi và nước sạch nông thôn (Kiểm tra, quản lý hồ sơ chất lượng; Thẩm định, đánh giá hồ sơ lựa chọn nhà thầu)	1	Chuyên viên (mã số: 01.003)	Thạc sĩ Quản lý xây dựng	1. Có Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng - Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều) – Hạng III. 2. Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.	
		Chuyên viên về quản lý thủy lợi và nước sạch nông thôn (giám sát chủ đầu tư)	1	Chuyên viên (mã số: 01.003)	Thạc sĩ Xây dựng công trình thủy	Có Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật (hạng III).	
7.2	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Chuyên viên về quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường	1	Chuyên viên (mã số: 01.003)	Đại học Nông học		

STT	Đơn vị	Vị trí việc làm	Chỉ tiêu	Ngạch công chức	Trình độ đào tạo	Yêu cầu khác	Ghi chú
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		1				
8.1	Phòng Quản lý văn hóa và gia đình	Chuyên viên về quản lý di sản văn hóa (kiêm nhiệm quản lý văn hóa cơ sở)	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học: Quản lý văn hóa; Văn hóa học; Nghệ thuật biểu diễn		
9	Sở Nội vụ		2				
9.1	Phòng Xây dựng chính quyền và công tác thanh niên	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực (Cán bộ, công chức cấp xã)	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học: Luật; Hành chính; Quản trị nguồn nhân lực		
9.2	Phòng Công chức viên chức	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực (Cán bộ, công chức cấp huyện trở lên; viên chức)	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học Luật		
10	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		3				
10.1	Phòng Xã hội	Chuyên viên về trẻ em	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học: Luật; Xã hội học; Công tác xã hội		
10.2	Văn phòng	Chuyên viên về quản lý công nghệ thông tin	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học Công nghệ thông tin		
		Chuyên viên về tổng hợp	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học: Luật; Văn học; Hành chính		
11	Sở Xây dựng		1				
11.1	Thanh tra sở	Chuyên viên về công tác thanh tra	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học: Kiến trúc, Xây dựng, Quản lý dự án xây dựng, Quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị		
12	Ban Dân tộc		1				
12.1	Văn phòng	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học Luật		

STT	Đơn vị	Vị trí việc làm	Chỉ tiêu	Ngạch công chức	Trình độ đào tạo	Yêu cầu khác	Ghi chú
II	Quận, huyện		21				
1	UBND quận Ninh Kiều		6				
1.1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học: Luật, Hành chính		
1.2	Phòng Nội vụ	Chuyên viên về quản lý tín ngưỡng, tôn giáo	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học Xã hội học		
	Phòng Nội vụ	Chuyên viên về quản lý văn thư, lưu trữ	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học Lưu trữ và Quản trị văn phòng		
1.3	Phòng Kinh tế	Chuyên viên về quản lý công nghiệp	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học: Luật		
1.4	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Chuyên viên về quản lý tổ chức và hoạt động cơ sở giáo dục	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học: Sư phạm toán, Quản lý giáo dục		
1.5	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Chuyên viên về quản lý tài sản công	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học Kế toán		
2	UBND quận Bình Thủy		2				
2.1	Thanh tra	Chuyên viên về công tác thanh tra	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học: Luật; Kinh tế; Kế toán; Xây dựng; Quản lý tài nguyên và môi trường		
2.2	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Chuyên viên về: môi trường; biến đổi khí hậu	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học: Luật; Quản lý tài nguyên và Môi trường; Kỹ thuật môi trường; Quản lý đất đai		
3	UBND quận Ô Môn		1				
3.1	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Chuyên viên về quản lý tài chính, ngân sách	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học Tài chính - ngân hàng		
4	UBND quận Cái Răng		1				
4.1	Phòng Văn hóa và Thông tin	Chuyên viên về quản lý công nghệ thông tin (bao gồm công nghiệp công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số)	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học Công nghệ thông tin		

STT	Đơn vị	Vị trí việc làm	Chỉ tiêu	Ngạch công chức	Trình độ đào tạo	Yêu cầu khác	Ghi chú
5	UBND quận Thốt Nốt		2				
5.1	Phòng Nội vụ	Kế toán viên	1	Kế toán viên (Mã số 06.031)	Đại học Kế toán		
5.2	Phòng Tư pháp	Chuyên viên về hành chính tư pháp	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học Luật		
6	UBND huyện Phong Điền		1				
6.1	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Kế toán viên	1	Kế toán viên (Mã số 06.031)	Đại học: Kế toán; Kiểm toán; Tài chính		
7	UBND huyện Cờ Đỏ		3				
7.1	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Chuyên viên về quản lý đất đai	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học Quản lý đất đai		
7.2	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Chuyên viên về quản lý người học (bao gồm cả tuyển sinh đào tạo; chính sách và các hoạt động hỗ trợ đối với người học)	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học Giáo dục mầm non		
7.3	Thanh tra	Chuyên viên về công tác thanh tra	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính		
8	UBND huyện Vĩnh Thạnh		5				
8.1	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Chuyên viên về quản lý người học (bao gồm cả tuyển sinh đào tạo; chính sách và các hoạt động hỗ trợ đối với người học)	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học sư phạm	Có chứng chỉ quản lý giáo dục	
8.2	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Chuyên viên Quản lý quy hoạch xây dựng	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học Xây dựng		

STT	Đơn vị	Vị trí việc làm	Chỉ tiêu	Ngạch công chức	Trình độ đào tạo	Yêu cầu khác	Ghi chú
8.3	Phòng Văn hóa và Thông tin	Chuyên viên về Quản lý công nghệ thông tin	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học Công nghệ thông tin		
8.4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Chuyên viên về quản lý tài chính ngân sách	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học Kinh tế (chuyên ngành Kinh tế - Luật)		
8.5	Phòng Tư pháp	Chuyên viên về hành chính - tư pháp	1	Chuyên viên (Mã số: 01.003)	Đại học Luật		